TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: **130**/2020/DS-ST
Ngày 09-7-2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Ông Phạm Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST–DS ngày 10/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn U, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp AĐ, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Duy P, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh P ủy quyền cho chị Lê Thị H tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020. Chị H có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp AĐ, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà U có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp AĐ, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị H đồng thời được sự ủy quyền của anh Lê Duy P trình bày:

Trước đây ông U có vay của chị 02 lần với số tiền 30.000.000 đồng, bà U vay 01 lần với số tiền 25.000.000 đồng (chị không nhớ thời gian cụ thể) khi vay các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm hợp đồng, mục đích bà U và ông U vay tiền là để nuôi tôm công nghiệp, thời hạn vay khoảng vài tháng; lãi suất là 6%/tháng; lãi trả hàng tháng. Sau khi vay ông U, bà U có trả lãi cho chị

vài lần với số tiền là 6.600.000 đồng. Do ông U và bà U không trả lãi và vốn như cam kết nên vào ngày 21 tháng 8 năm 2019 dương lịch, chị có yêu cầu ông U ký vào "Tờ cam kết" với nội dung có nợ của chị 55.000.000 đồng, ông U có hứa một tháng sau tức là ngày 21 tháng 9 năm 2019 sẽ trả đủ 55.000.000 đồng cho chị, lúc đó chị có yêu cầu bà U ký tên vào biên nhận nhưng bà U không đồng ý. Sau đó chị nhiều lần yêu cầu ông U và bà U trả tiền cho chị nhưng ông U và bà U không trả nên chị khởi kiện ông U và bà U. Số tiền 55.000.000 đồng chị trực tiếp cho ông U và bà U vay, chị không quen biết chị Nguyễn Thị H. Do đó, việc ông U và bà U với chị Nguyễn Thị H cho rằng số tiền 55.000.000 đồng là do ông U vay dùm chị Nguyễn Thị H chị không đồng ý. Do bà U không ký tên vào biên nhận nợ ngày 21/8/2019 nên chị tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị U và rút yêu cầu nợ lãi 412.000 đồng đối với ông U và bà U. Số tiền 55.000.000 đồng là tài sản chung của chị với chồng chị là anh Lê Duy P nên chị yêu cầu ông U phải trả cho chị và anh Lê Duy P số tiền 55.000.000 đồng, chị yêu cầu trả một lần, không yêu cầu trả lãi. Đối với yêu cầu tính lãi lại của ông U, chị có ý kiến như sau: chị thừa nhận trước đây có nhận 6.600.000 đồng mà ông U và bà U trả lãi cho chị. Chị không đồng ý giao trả cho ông U 188.100.000 đồng, do chị không có nhận số tiền này. Chị không yêu cầu giải quyết số tiền 6.600.000 đồng mà ông U và bà U đã trả cho chị trước đây. Trong vụ án này chị không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với chị Nguyễn Thị H.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn Dương Văn U trình bày: Vào tháng 02 năm 2014 ông có vay của chị Lê Thị H số tiền là 55.000.000 đồng, khi vay các bên không làm giấy tờ gì, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay các bên không thỏa thuận, lãi trả hàng tháng, số tiền 55.000.000 đồng ông vay dùm cho chị Nguyễn Thị H, khi đó chị Lê Thị H biết rõ ông vay dùm cho chị Nguyễn Thị H, khi vay ông không có bàn bạc với vợ ông là bà Nguyễn Thị U nên bà U không biết. Do đó, vợ ông không có liên quan gì trong vụ án này.

Sau khi vay, hàng tháng chị Nguyễn Thị H có đưa cho ông 3.300.000 đồng để ông trả lãi cho chị Lê Thị H, ông trả lãi liên tục từ tháng 03 năm 2014 đến tháng 12 năm 2018 với số tiền là 188.100.000 đồng. Do chị Nguyễn Thị H làm ăn thua lỗ nên từ tháng 01 năm 2019 đến nay chị Nguyễn Thị H không có đưa tiền cho ông để ông trả lãi cho chị Lê Thị H. Ngày 21/8/2019 vợ chồng chị Lê Thị H có yêu cầu ông ký tên vào "Tờ cam kết" có nội dung có nợ của anh P và chị H số tiền là 55.000.000 đồng, hàng tháng ông có 500.000 đồng thì trả 500.000 đồng, có 1.000.000 đồng thì trả 1.000.000 đồng nên ông đồng ý ký tên. Sau khi ký tên xong khoảng 01 tháng sau thì chị H khởi kiện vợ chồng ông. Số tiền 188.100.000 đồng ông là người trực tiếp trả chị Lê Thị H, khi đó các bên không làm giấy tờ gì nên ông không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Ông đồng ý với việc chị Lê Thị H rút yêu cầu đối với bà Nguyễn Thị U và số tiền 412.000 đồng. Ông đồng ý trả cho Lê Thị H và anh Lê Duy P số tiền 55.000.000 đồng và đồng ý trả lãi cho chị H là 1%/tháng tính từ tháng 03 năm 2014 đến tháng 12 năm 2018 là 70 tháng x 1%/tháng x 55.000.000 đồng = 38.500.000 đồng, tổng cộng là 93.500.000 đồng, ông đồng ý trả số tiền 93.500.000 đồng khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nhưng với điều kiện chị H phải tính lại số tiền lãi mà ông đã trả cho chị Lê Thị H là 188.100.000 đồng, khi nào chị H trả đủ cho ông 188.100.000 đồng thì ông sẽ trả 93.500.000

đồng cho chị H và anh P. Trong vụ án này ông không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với chị Nguyễn Thị H, số tiền ông vay dùm cho chị Nguyễn Thị H là 55.000.000 đồng và trả lãi dùm cho chị H là 188.100.000 đồng thì ông với chị Nguyễn Thị H sẽ tự thương lượng giải quyết, nếu ông với chị Nguyễn Thị H không thương lượng được thì ông sẽ khởi kiện chị Nguyễn Thị H thành vụ án khác.

Ông không thừa nhận lời trình bày của chị H về việc có nhận của ông và vợ ông số tiền 6.600.000 đồng nên ông không yêu cầu giải quyết số tiền này. Trong vụ án này ông không tranh chấp hay yêu cầu gì với anh Nguyễn Văn Khanh là chồng của chị Nguyễn Thị H.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2020 bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà không biết ông U vay tiền của chị Lê Thị H khi nào, bà chỉ biết khi Tòa án giao cho bà các thông báo, khi đó ông U nói cho bà biết ông U có vay tiền dùm cho chị Nguyễn Thị H 55.000.000 đồng, bà không liên quan gì đến số tiền mà chị Lê Thị H khởi kiện ông U. Khi ông U vay tiền dùm cho chị Nguyễn Thị H thì ông U không có bàn bạc với bà và chị Lê Thị H cũng không thông báo cho bà biết. Bà không sử dụng chung số tiền mà ông U vay của chị H nên bà không đồng ý liên đới với ông U để trả số tiền vốn vay và nợ lãi theo yêu của chị Lê Thị H. Việc vay mượn tiền giữa ông U với chị Nguyễn Thị H bà cũng không có liên quan nên bà không tranh chấp cũng như không có yêu cầu gì đối với chị Nguyễn Thị H. Ngày 01/7/2020 bà U có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 và ngày 05/6/2020 chị Nguyễn Thị H trình bày: vào tháng 02 năm 2014 chị có nhờ ông Dương Văn U vay tiền của chị Lê Thị H số tiền là 55.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; không thỏa thuận thời hạn vay; lãi trả hàng tháng. Khi vay giữa chị H với ông U có làm giấy tờ gì hay không thì chị không biết, hàng tháng chị có đưa cho ông U 3.300.000 đồng cho ông U để ông U trả lãi cho chị H, chị trả lãi liên tục từ tháng 03 năm 2014 đến tháng 12 năm 2018. Do chị với chị H không quen biết nhau, trước đây kinh tế gia đình chị rất khá nhưng do nuôi tôm công nghiệp bị thua lỗ nên chị nhờ ông U vay tiền dùm, theo chị biết thì chị Lê Thị H biết rõ ông U vay tiền là vay dùm cho chị nhưng chị không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Việc chị nhờ ông U vay tiền dùm bà Nguyễn Thị U không hay biết gì nên trong vụ án này bà U không có liên quan gì. Mục đích chị nhờ ông U vay 55.000.000 đồng để nuôi tôm công nghiệp, khi đó chị không có bàn bạc gì với chồng của chị là anh Nguyễn Văn Khanh, bởi vì: chồng chị trực tiếp nuôi tôm còn chị thì lo tiền để nuôi tôm, do tôm bị chết nên vợ chồng chị không có khả năng trả vốn và lãi cho chị H nên chị H buộc ông U phải ký nhận nợ với chị H nên ông U phải ký nhận, thực tế vợ chồng ông U không sử dụng số tiền 55.000.000 đồng.

Nếu chị Lê Thị H đồng ý để chị trả 55.000.000 đồng thì chị đồng ý trả cho Lê Thị H nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình chị đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả một lần cho chị Lê Thị H được, chị yêu cầu chị Lê Thị H cho chị trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 55.000.000 đồng. Nếu chị H không đồng ý mà chị Lê Thị H vẫn giữ yêu cầu ông U phải trả 55.000.000 đồng thì chị cũng đồng ý và cam kết hàng tháng sẽ đưa cho ông U 1.000.000 đồng để ông U trả cho chị Lê Thị H.

Đối với số tiền 188.100.000 đồng mà chị đưa cho ông U để ông U trả lãi cho chị Lê Thị H, nay chị có ý kiến như sau: mặc dù số tiền này là do chị đưa cho ông U trả lãi thay cho chị nhưng chị không tranh chấp số tiền này với ông U hay chị H, nếu yêu cầu của ông U được chấp nhận thì Tòa án tuyên buộc chị Lê Thị H phải trả 188.100.000 đồng cho ông U, mà không phải trả cho chị, việc này là do chị tự nguyện. Sau đó chị với ông U sẽ tự thỏa thuận với nhau để giải quyết số tiền 188.100.000 đồng, nếu chị với ông U không tự thỏa thuận được thì chị với ông U sẽ tranh chấp thành vụ án khác, trong vụ án này chị không yêu cầu hay tranh chấp số tiền 188.100.000 đồng với ông U và chị H. Chị không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với chồng chị là anh Nguyễn Văn Khanh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc ông U có nghĩa vụ trả cho chị H và anh P số tiền là 55.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi lại của ông U. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với bà Nguyễn Thị U. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U đối với số tiền là 412.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Dương Văn U hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 1/1 ấp An Định, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị U có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị H và bà U.

[4] Xét yêu cầu của chị H về việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện với bà Nguyễn Thị U và rút yêu cầu đối với số tiền 412.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện này của chị H hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192, Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét lời trình bày của ông U: trong quá trình giải quyết vụ án ông U cho rằng, số tiền 55.000.000 đồng là do ông U vay dùm chị Nguyễn Thị H, khi

vay tiền ông U có nói cho chị Lê Thị H biết và chị Lê Thị H đồng ý cho ông vay dùm. Chứng cứ để ông U chứng minh là "Giấy xác nhận" ngày 27/12/2019 của chị Nguyễn Thị H nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 11/02/2020 Nguyễn Thị H cho rằng chị Nguyễn Thị H không quen biết chị Lê Thị H nên nhờ ông U vay tiền dùm và theo chị thì chị Lê Thị H biết rõ nhưng chị Nguyễn Thị H cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Sau khi vay chị nhiều lần đưa cho ông U tiền để trả lãi cho chị H. Nếu chị Lê Thị H đồng ý để cho chị trả 55.000.000 đồng thì chị sẽ trả cho chị Lê Thị H, nếu chị Lê Thị H yêu cầu ông U trả thì hàng tháng chị sẽ đưa cho ông U 1.000.000 đồng để trả cho chị Lê Thị H. Tuy nhiên, chị Lê Thị H không thừa nhận lời trình bày của ông U và chị Nguyễn Thị H, chị Lê Thị H khẳng định số tiền 55.000.000 đồng là chị cho ông U và bà U vay, chị không quen biết chị Nguyễn Thị H nên trong vụ án này chị không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với chị Nguyễn Thị H. Do đó, lời trình bày của ông U và chị Nguyễn Thị H là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của chị Lê Thị H: Mặc dù trong quá trình giải quyết ông U với chị Lê Thị H trình bày không thống với nhau về thời gian vay, cách thức giao nhận tiền và nguyên nhân ông U ký vào "tờ cam kết" ngày 21 tháng 8 năm 2019 nhưng ông U thừa nhận chữ ký "Út" và chữ viết "Dương Văn U" dưới mục Người mượn tiền tại "Tờ cam kết" ngày 21/8/2019 là do ông U ký, viết. Đồng thời, ông U cũng thừa nhận hiện nay còn nợ chị Lê Thị H và anh Lê Duy P số tiền 55.000.000 đồng. Do đó, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H yêu cầu ông U phải có nghĩa vụ trả cho chị H và anh P 55.000.000 đồng do ông U là người ký nhận nợ với vợ chồng chị. Ông U trình bày số tiền 55.000.000 đồng là do ông vay dùm cho chị H, nếu chị Lê Thị H không yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả 55.000.000 đồng thì ông đồng ý trả 55.000.000 đồng cho chị H và anh P. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị H, anh P với ông U được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện ông U đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc chị H và anh P yêu cầu ông U phải có nghĩa vụ trả cho chị H và anh P số tiền là 55.000.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị H và anh P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xứ không xem xét giải quyết.

[7] Xét yêu cầu tính lãi lại cho ông U, xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án ông U cho rằng chị Nguyễn Thị H có nhiều lần đưa tiền cho ông để trả lãi cho chị Lê Thị H với số tiền là 188.100.000 đồng nên ông yêu cầu chị H và anh P phải trả lại cho ông số tiền này. Tuy nhiên, ông U không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị Lê Thị H và anh Lê Duy P có nhận của ông số tiền là 188.100.000 đồng. Đồng thời, chị Lê Thị H cũng không thừa nhận lời trình bày của ông U. Lẽ đó, yêu cầu này của ông U là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Do ông U không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Khanh nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp thì có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[11] Do chị H và ông U không yêu cầu giải quyết số tiền 6.600.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Dương Văn U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm b, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với bà Nguyễn Thị U.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với ông Dương Văn U và bà Nguyễn Thị U đối với số tiền là 412.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H. Buộc ông Dương Văn U phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị H và anh Lê Duy P số tiền là 55.000.000 đồng. Do chị H và anh P không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Do ông U không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Khanh nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có tranh chấp thì có thể khởi kiện thành vụ án khác.

Do chị H và ông U không yêu cầu giải quyết số tiền 6.600.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Văn U phải nộp là 2.750.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.702.500 đồng theo biên lai thu số 0009390 ngày 22/01/2020. Ông U được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả 1.925.500 đồng.

Chị Lê Thị H được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.385.000 đồng theo biên lai thu số 0006232 ngày 03 tháng 12 năm 2019.

Đương sự đều có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợ lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo trình tự P thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân